

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 261/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam số 16/1999/QH10 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 19/2008/QH12, Luật số 72/2014/QH13, Luật số 48/2019/QH14, Luật số 52/2024/QH15 và Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng số 98/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số 37/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2023/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/QH16 của Quốc hội về phát triển văn hóa Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề:

a) Viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, viên chức hoạt động nghề nghiệp nghệ thuật biểu diễn; người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn được xếp lương hoặc thỏa thuận áp dụng bảng lương viên chức theo quy định của pháp luật và trực tiếp thực hiện hoạt động nghệ thuật biểu diễn;

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật; công nhân công an và người lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong Công an nhân dân;

c) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ, viên chức quốc phòng và người lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia hoạt động biểu diễn nghệ thuật trong Quân đội nhân dân.

2. Đối tượng hưởng chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn:

a) Đối tượng tại khoản 1 Điều này trực tiếp tham gia luyện tập, biểu diễn;

b) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trực tiếp tham gia luyện tập, biểu diễn tại các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; thực hiện nhiệm vụ chính trị, phục vụ cộng đồng và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật; thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Viên chức chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn là người được tuyển dụng và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn theo quy định của pháp luật.

3. Viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn là những người trực tiếp tham gia sáng tạo, luyện tập, biểu diễn nghệ thuật hoặc trực tiếp phục vụ hoạt động luyện tập, biểu diễn nghệ thuật (công việc đòi hỏi năng khiếu, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp chuyên biệt và quá trình đào tạo chuyên sâu).

4. Buổi biểu diễn bao gồm các buổi sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn chính thức theo kế hoạch hoặc nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền hoặc người đứng đầu đơn vị phê duyệt.

Chương II

PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ; CHẾ ĐỘ BỒI DƯỠNG LUYỆN TẬP, BỒI DƯỠNG BIỂU DIỄN

Điều 4. Phụ cấp ưu đãi nghề

1. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027, căn cứ đặc thù chuyên môn và chức năng hoạt động nghề nghiệp của từng chức danh nghề nghiệp, viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang được áp dụng các mức phụ cấp ưu đãi nghề sau đây:

a) Mức 50% áp dụng đối với: Chỉ huy âm nhạc các hình thức dàn nhạc và hợp xướng; diễn viên tuồng, chèo, cải lương, xiếc, múa rối nước, thanh nhạc kịch (opera), múa cổ điển (ballet); diễn viên biểu diễn nhạc cụ hơi thuộc bộ đồng, bộ gõ trong dàn nhạc giao hưởng;

b) Mức 40% áp dụng đối với: Diễn viên kịch dân ca, nhạc kịch (musical); diễn viên hát dân ca; diễn viên múa hát cung đình; diễn viên biểu diễn các loại nhạc cụ trong nghệ thuật biểu diễn truyền thống, dân gian dân tộc; diễn viên biểu diễn nhạc cụ thuộc bộ dây, bộ gõ, nhạc cụ bàn phím trong dàn nhạc giao hưởng; diễn viên biểu diễn nhạc cụ hơi thuộc bộ đồng, bộ gõ trong dàn nhạc nghi lễ thuộc lực lượng vũ trang;

c) Mức 30% áp dụng đối với: Diễn viên kịch nói, kịch hình thể, kịch câm; diễn viên thể hiện ca khúc mới, hợp xướng; diễn viên múa rối cạn; diễn viên múa dân gian dân tộc, múa đương đại, múa tạp kỹ; diễn viên biểu diễn nhạc cụ thuộc bộ gõ trong dàn nhạc nghi lễ thuộc lực lượng vũ trang;

d) Mức 20% áp dụng đối với: Diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử và các phương tiện thể hiện âm thanh điện tử, âm thanh kỹ thuật số;

đ) Mức 20% áp dụng đối với: Kỹ thuật viên âm thanh, kỹ thuật viên ánh sáng, kỹ thuật viên sân khấu, nhân viên hậu đài, nhân viên hóa trang, nhân viên phục trang, nhân viên đạo cụ.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2027 cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới theo quy định của cấp có thẩm quyền, các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng các mức phụ cấp ưu đãi nghề như sau:

a) Mức 60% đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Mức 50% đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

- c) Mức 40% đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;
- d) Mức 30% đối với các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này;
- đ) Mức 20% đối với các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này.

3. Viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang làm việc tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề cao hơn 05 điểm phần trăm so với mức quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này nhưng không vượt quá mức 60%.

Trường hợp không làm việc tại các địa bàn nêu trên liên tục quá 01 tháng thì hưởng phụ cấp ưu đãi nghề theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

4. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này là Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề như sau:

a) Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027, áp dụng mức 50% đối với Nghệ sĩ nhân dân; mức 40% đối với Nghệ sĩ ưu tú;

b) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2027 cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới theo quy định của cấp có thẩm quyền, áp dụng mức 60% đối với Nghệ sĩ nhân dân; mức 50% đối với Nghệ sĩ ưu tú.

5. Đối tượng đồng thời được hưởng nhiều mức phụ cấp ưu đãi nghề theo quy định tại Điều này thì chỉ được hưởng mức phụ cấp ưu đãi nghề cao nhất.

6. Phụ cấp ưu đãi nghề được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Phụ cấp} & & & & \\ \text{ưu đãi} & = & \text{Mức} & \times & \text{Mức phụ} \\ \text{nghề} & & \text{lương} & & \text{cấp ưu} \\ & & \text{cơ sở} & & \text{đãi nghề} \\ & & & \times & \\ & & & \text{(Hệ số lương theo cấp bậc} & \\ & & & \text{quân hàm hoặc ngạch, bậc} & \\ & & & \text{hiện hưởng + Hệ số phụ cấp} & \\ & & & \text{chức vụ lãnh đạo (nếu có) +} & \\ & & & \text{Hệ số \% phụ cấp thâm niên} & \\ & & & \text{vượt khung (nếu có))} & \end{array}$$

7. Phụ cấp ưu đãi nghề được chi trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

8. Thời gian không được tính hưởng phụ cấp ưu đãi nghề bao gồm:

a) Đi công tác, làm việc, học tập ở nước ngoài hưởng 40% tiền lương theo quy định của pháp luật; đi công tác, học tập trong nước hoặc được phân công làm công việc khác không trực tiếp thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn liên tục từ 01 tháng trở lên;

b) Thời gian nghỉ thai sản đối với nữ và thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

c) Thời gian nghỉ việc riêng không hưởng lương liên tục từ 01 tháng trở lên; không trực tiếp làm việc thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn liên tục từ 01 tháng trở lên;

d) Thời gian bị đình chỉ công tác, thời gian bị tạm giữ, tạm giam.

Điều 5. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn

1. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027, chế độ bồi dưỡng luyện tập tính theo số buổi thực tế gồm các mức sau đây:

a) Mức 7% mức lương cơ sở cho một buổi đối với: Nghệ sĩ nhân dân; chỉ huy âm nhạc các hình thức dàn nhạc và hợp xướng; diễn viên đảm nhiệm vai trò chính trong vở diễn sân khấu, sân khấu truyền thống, thanh nhạc nhạc kịch (opera), nhạc kịch (musical), vũ kịch; diễn viên chính trong các chương trình, vở diễn, tiết mục xiếc và các loại hình múa rối; diễn viên đơn ca, diễn viên múa chính, nhạc công độc tấu với dàn nhạc;

b) Mức 5% mức lương cơ sở cho một buổi đối với: Nghệ sĩ ưu tú; diễn viên đảm nhiệm vai trò chính thứ trong vở diễn sân khấu, sân khấu truyền thống, thanh nhạc nhạc kịch (opera), nhạc kịch (musical), vũ kịch; diễn viên chính thứ trong các chương trình, vở diễn, tiết mục xiếc và các loại hình múa rối; diễn viên hát chính thứ, diễn viên lĩnh xướng trong dàn hợp xướng; diễn viên múa chính thứ; nhạc công chịu trách nhiệm lĩnh tấu; kỹ thuật viên chính âm thanh, ánh sáng và sân khấu;

c) Mức 4% mức lương cơ sở cho một buổi đối với: Diễn viên đảm nhiệm vai trò phụ; diễn viên múa; hợp xướng viên; nhạc công; diễn viên biểu diễn nhạc cụ điện tử; kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng, sân khấu;

d) Mức 3% mức lương cơ sở cho một buổi đối với: Nhân viên hậu đài, hóa trang, phục trang, đạo cụ.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2027 cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới theo quy định của cấp có thẩm quyền, chế độ bồi dưỡng luyện tập được thực hiện như sau:

a) Mức 15% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Mức 12% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Mức 8% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Mức 5% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

3. Từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2027, chế độ bồi dưỡng biểu diễn tính theo số buổi sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn chính thức gồm các mức sau đây:

a) Mức 18% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Mức 15% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Mức 10% mức lương cơ sở cho một buổi đối với trưởng, phó các đơn vị nghệ thuật, trưởng, phó đoàn biểu diễn trực thuộc và các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Mức 7% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

4. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2027 cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới theo quy định của cấp có thẩm quyền, chế độ bồi dưỡng biểu diễn được thực hiện như sau:

a) Mức 30% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Mức 25% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Mức 20% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

d) Mức 15% mức lương cơ sở cho một buổi đối với các đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp một người đồng thời đảm nhiệm nhiều vị trí, vai trò trong quá trình luyện tập và biểu diễn thì chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất tương ứng với vị trí, vai trò thực hiện.

6. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn được chi trả theo số buổi căn cứ vào kế hoạch hoặc nhiệm vụ đã được người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc Thủ trưởng đơn vị thuộc lực lượng vũ trang phê duyệt theo phân cấp quản lý.

7. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn được chi trả bằng tiền và không dùng để tính đóng, hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, kinh phí thực hiện chi trả phụ cấp ưu đãi nghề và chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn được bố trí từ các nguồn hợp pháp của đơn vị, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước theo dự toán chi thường xuyên được giao hằng năm, phù hợp với mức độ tự chủ tài chính của đơn vị theo quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Nguồn ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo quy định của pháp luật;

c) Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp, nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.

2. Kinh phí thực hiện đối với các đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quốc phòng, an ninh và quy định pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Kể từ thời điểm thực hiện chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo quy định của pháp luật, các quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và chế độ bồi dưỡng biểu diễn quy định tại Nghị định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp

Các chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đang thực hiện theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg chưa quyết toán hoặc chưa hoàn thành việc chi trả tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Việc thực hiện phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và bồi dưỡng biểu diễn phải bảo đảm đúng quy định của Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Nghị định này phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, kế toán, kiểm toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của việc chi trả.

3. Phụ cấp ưu đãi nghề:

a) Việc chi trả phải căn cứ vào chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, vai trò, nhiệm vụ thực tế được giao và thời gian trực tiếp làm công việc nghệ thuật biểu diễn;

b) Thực hiện rà soát định kỳ hoặc khi có thay đổi về vị trí việc làm để xác định việc tiếp tục hưởng, điều chỉnh hoặc chấm dứt hưởng.

4. Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn áp dụng đối với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, đặt hàng:

a) Số buổi luyện tập, biểu diễn căn cứ vào kế hoạch hoặc nhiệm vụ được phê duyệt theo phân cấp quản lý;

b) Việc chi trả chế độ bồi dưỡng được tính khi người tham gia thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được phân công và xác nhận của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, Thủ trưởng đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang.

5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, Thủ trưởng đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra nội bộ, giám sát việc chi trả; bảo đảm công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

6. Khuyến khích các đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi để bảo đảm thực hiện đúng theo quy định; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát, kiểm tra.

7. Các cơ quan tài chính, thanh tra, kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm tra, thanh tra, kiểm toán việc quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Nghị định này tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị thực hiện phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn theo quy định tại Nghị định này thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

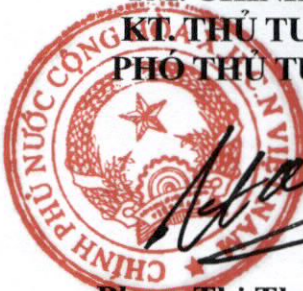
1. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ,
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 12

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Phạm Thị Thanh Trà

